

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**Tập 268****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 06.02.2011****Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện_Úc Châu**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 325, bắt đầu xem từ hàng thứ sáu. Kinh văn, hàng thứ sáu kinh văn.

“Nhu Phật vô ngại trí, sở hành từ mẫn hành, thường tác thiên nhơn sư, đắc vi tam giới hùng, thuyết pháp sư tử hống, quảng độ chư hữu tình, viên mãn tích sở nguyện, nhất thiết giai thành Phật”. Hai bài kệ này, hai câu trước là nói “bi trí như Phật”, sáu câu sau là “thuyết pháp như Phật”. Phật A Di Đà từ bi thuyết pháp.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão. “Hai bài kệ trên”, hai bài kệ chúng ta đọc ở trước. “Nguyện cầu Phật đức, nguyện phước đức của mình đồng với Như Lai”. Đây là học Phật, đặc biệt là tu Tịnh độ, hy vọng tương lai vãng sanh tây phương Cực Lạc, không thể không có đại nguyện. Phật phước báo viên mãn, trí tuệ cũng viên mãn. Khi chúng ta đọc Tam quy y thường đọc đến: “Quy y Phật, lưỡng túc tôn”. Túc nghĩa là viên mãn, lưỡng là hai loại, hai thứ viên mãn. Thứ nhất là trí tuệ viên mãn, thứ hai là phước báo viên mãn. Từ đây có thể biết, vì sao phải học Phật, học Phật có lợi ích gì, mục đích học Phật là gì. Trả lời vấn đề này, chúng ta nghĩ rằng không có người nào không cần đến. Chúng sanh mười pháp giới, chủng tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tín ngưỡng bất đồng, nhưng nói đến trí tuệ và phước báo mọi người đều cần, không có giới hạn, người người đều cần. Phước tuệ viên mãn chỉ học được trong Phật pháp. Phật pháp không phải Tôn giáo, phải hiểu rõ điều này. Phật pháp thừa nhận giữa vũ trụ có thần, nhưng không tế phụng thần, không học theo thần. Chẳng những không học theo thần, trái lại thần còn học theo Phật, vì sao vậy? Vì họ muốn cầu trí tuệ viên mãn, phước đức viên mãn. Hai thứ này chỉ có Phật mới có, thần không có, vì thế thần phải đến chỗ Phật cầu phước tuệ. Phật pháp là sư đạo, phải biết điều này.

Thế giới Cực Lạc, quý vị xem chúng ta đã học nhiều như vậy. Nước Cực Lạc, nói có nước Cực Lạc, không nói đến quốc vương, chúng tỏ trong nước Cực Lạc không có quốc vương, trong nước Cực Lạc cũng không có đại thần. Trong cõi nước này chỉ có hai hạng người, một là thầy, hai là học sinh. Phật

là thầy, Bồ Tát là học sinh. Rất giống một trường học, nó lại không phải trường học. Vì sao không phải trường học? Vì trường học bất luận là xưa hay nay, luôn có ba cương lĩnh chấp sự. Tức là phân công, nó có tổ chức. Thế giới Cực Lạc không có tổ chức, giống điều gì? Giống tư thực.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, những gì làm trong suốt 49 năm, rất giống thế giới Cực Lạc. Đệ tử ngài rất đông, trong kinh điển chúng ta thấy, chúng thường tùy có 1255 người. Phật đi đến đâu họ theo đến đó, chưa từng rời xa, tổng cộng có 1255 người. Không phải đệ tử thường tùy, đột xuất đến tham gia, thử nghĩ xem, có thể ít hơn 1255 người ư? Nhất định nhiều hơn, không thể ít hơn. Vậy tăng đoàn của Phật, chúng tôi dự đoán chắc phải có 3000 người. Đoàn thể 3000 người này không có tổ chức, không chia thành đại đội, tiểu đội, trung đội, không hề, mỗi ngày tiếp thu giáo huấn của Phật. Ngoài giảng kinh dạy học ra, đương nhiên Đức Phật còn giải đáp thắc mắc. Bây giờ chúng ta gọi là chia sẻ của đồng học, Thế Tôn giải đáp, có điều này. Quý vị xem kinh luận, trong luận vấn đáp rất nhiều. Bất kỳ ai cũng có thể đưa ra câu hỏi, Phật giải đáp, hoặc Bồ Tát giải đáp, chư vị đồng tu giải đáp, chúng ta thấy rất nhiều.

Cõi nước này của Phật, trong quốc độ này rất giống học đường, lại không có hình thức của trường học. Quý vị nói nó là một quốc gia, nó không có tổ chức của quốc gia, quả thật là đại tự tại. Nó không giống quân chủ, cũng không giống dân chủ. Người trong này, khi Thế Tôn giới thiệu nói rất hay: “là nơi các bậc thượng thiện nhơn câu hội”. Các hàng thượng thiện nhơn này, cần người khác quản lý họ ư? Cần người duy trì trật tự ư? Họ vốn chính tề như vậy rồi. Điều này thể hiện cho chúng ta thấy một xã hội viên mãn nhất, người thế gian không làm được. Nghĩa là nói, tố chất tu dưỡng không cao như vậy, nên không làm được. Tố chất đến mức độ đó, con người không cần người khác quản lý, cũng không cần quản người khác, đúng là được đại tự tại, mỗi người phước tuệ đều viên mãn.

“Câu đầu tiên, như trí vô ngại của Phật”. Trí là trí tuệ, trí tuệ không có chướng ngại. Đại sư Thanh Lương phân Kinh Hoa Nghiêm là tứ vô ngại, bốn loại. Thứ nhất là lý vô ngại, thứ hai là sự vô ngại, thứ ba là lý sự vô ngại, thứ tư là sự sự vô ngại. Thế giới tây phương là pháp giới không chướng ngại, người người đều khế nhập cảnh giới tứ vô ngại. Nhiều người câu hội một nơi như vậy, người ở thế giới Cực Lạc vô lượng vô biên, không thể tính kể. Rất có trật tự, chính tề không chút lẫn lộn, làm sao biết được? Chúng ta thấy thế giới Cực Lạc, sơn hà đại địa, cỏ cây hoa lá, hoàn toàn không hỗn loạn. Quý vị sẽ biết nhân dân ở đó, nếu cư dân loạn, y báo sẽ loạn. Y báo không loạn, chính tề, chánh báo tuyệt đối ngay ngắn, y báo chuyển theo chánh báo mà. Là

quy luật tự nhiên, không có ai miễn cưỡng, không có ai sắp đặt, chỉ huy, không có.

“Cầu cho mình được trí tuệ của Như Lai”, câu này là “như Phật vô ngại trí”. Cầu trí tuệ của mình được giống như Phật vậy. “Trí tuệ vô ngại, tức chỉ thông đạt không ngưng trệ, trí tuệ của Phật tự tại dung thông”. Thông đạt biến pháp giới hư không giới, quá khứ, hiện tại, vị lai. Không có pháp nào ngài không biết, không có pháp nào ngài không thông đạt, đây là trí tuệ cứu cánh viên mãn.

Hiện nay trên địa cầu này, các nhà vật lý học cầu trí tuệ, nhưng trí tuệ của họ có thiên lệch không viên mãn. Hiện nay giới vật lý học, họ phát triển về hai phương hướng, đều là chuyên nghiên cứu. Vũ trụ vĩ quan, chuyên nghiên cứu về hư không. Hư không lớn chừng nào? Có biên tế chăng? Có bao nhiêu tinh hệ? Không thể tính bằng tinh cầu, mà tính bằng tinh hệ. Tiêu chuẩn của tinh hệ là lấy hệ ngân hà làm đơn vị, giữa vũ trụ có bao nhiêu hệ ngân hà. Đây là vũ trụ vĩ quan, đi theo phương hướng này, muốn hiểu rõ ràng minh bạch về nó.

Thứ hai là phương hướng ngược lại, quan sát thế giới vi quan, quan sát gì? Quan sát nguyên tử, điện tử, hạt căn bản, hạt vi lượng. Hiện nay gọi là lượng tử, tiểu quang tử. Trong kinh luận đại thừa cũng nói đến hai điều này, rất gần với những gì các nhà khoa học hiện đại nói. Nhưng giới khoa học chưa có định luận cuối cùng của hai loại này, chưa có kết luận sau cùng, trong kinh điển có. Vũ trụ từ đâu mà có? Tiểu quang tử phát sanh như thế nào? Ngày nay giới khoa học tổng kết, là từ không sinh ra có, không làm sao sanh ra có được? Phật pháp nói một cách rõ ràng, do tâm hiện thức biến. Tâm không phải tâm mà chúng ta tưởng tượng, tâm này là chân như, là tự tánh, tự tánh năng hiện năng sanh. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”, năng hiện năng sanh. Thức biến, thiên biến vạn hóa, đó là vọng tưởng phân biệt chấp trước đang thao tác. Nếu không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, những hiện tượng này không sanh khởi biến hóa, nó sẽ bất biến. Đức Phật dạy rằng: “tướng do tâm sanh”, tướng này là hiện tượng, tất cả mọi hiện tượng. “Cảnh tùy tâm chuyển”, đây là nói mọi hiện tượng, mọi cảnh giới, đều thay đổi theo ý niệm của mình. Ý niệm thiện nó biến thành thiện, không có điều gì bất thiện. Ý niệm bất thiện, bên ngoài không có gì là thiện. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, cho đến tất cả cõi nước chư Phật trong mười phương ba đời, đều không rời khỏi nguyên tắc này.

Khoa học ngày nay ngày càng đến gần với những điều Phật nói, họ có thể hoàn toàn thấu triệt lời Phật dạy chăng? Đây là điều không thể. Nguyên nhân vì sao? Trong kinh Phật nói rất hay, nếu chúng ta dùng đệ lục ý thức _ đệ lục ý

thức hiện nay gọi là tư tưởng, tư duy, đây là đệ lục ý thức. Công năng của đệ lục ý thức rất lớn, đối với bên ngoài có thể duyên đến hư không pháp giới, bên trong có thể duyên đến tam tế tướng của A lại da, nhưng nó không duyên được tự tánh. Vì sao vậy? Vì nó là vọng tâm. Tám thức là vọng tâm, vọng tâm chỉ duyên được vọng cảnh, không duyên được chân tâm, không duyên được tự tánh. Phải như thế nào mới giống Phật? Phải bỏ A lại da, điều này rất khó. Như Pháp Tướng Tông của đại thừa nói, chuyển bát thức thành tứ trí, bát thức là A lại da. A lại da, mặt na, ý thức và tiền ngũ thức đều phải chuyển nó. Chuyển thành bốn loại trí tuệ, là trí tuệ vô ngại, bốn loại vô ngại trí là đã kiến tánh.

Chuyển đệ lục ý thức tức không còn phân biệt, diệu quan sát trí hiện tiền. Chuyển mặt na là không còn chấp trước, bình đẳng tánh trí hiện tiền, A lại da chuyển theo, A lại da biến thành đại viên cảnh trí, tiền ngũ thức trở thành thành sở tác trí. Đây là trí tuệ vô ngại của Phật. Chúng ta có thể giống như Phật chăng? Có thể, vì bốn loại vô ngại trí này vốn đầy đủ trong tự tánh, không phải bên ngoài vào. Chư Phật Bồ Tát cũng như vậy. Chỉ cần chúng ta buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, trí tuệ này liền hiện tiền. Khi trí tuệ hiện tiền, vượt qua các nhà khoa học hiện tại.

Câu bên dưới. “Kinh Niết Bàn thứ tám”, phân lượng Kinh Niết Bàn rất lớn, quyển thứ tám nói: “Như Lai không như vậy, biết hết tự địa cho đến tha địa, cho nên Như Lai gọi là vô ngại trí”, đây là câu kinh văn trong kinh. Ở trước còn có vấn đáp, cho nên ở trước có một câu: “Như Lai bất nhĩ”, Như Lai không phải như vậy, không phải như mọi người tưởng tượng. “Biết hết tự địa”, biết mình, hiểu rõ bản thân. Biết mình từ đâu đến, cũng biết mình tương lai đi về đâu. Bản thân mình đời đời kiếp kiếp, từ vô lượng kiếp đến nay không có gì không biết. Đây là biết tự địa. Biết tha địa, biết mình cũng biết người khác. Phạm vi tha địa này quá lớn, tất cả chư Phật, tất cả Bồ Tát, tất cả chúng sanh, không có gì ngài không biết, biết tha địa. Tha địa còn có cây cỏ hoa lá, đây là tất cả thực vật. Sơn hà đại địa, mười pháp giới y chánh trang nghiêm, không có gì là không biết. Vì sao vậy? Vì hết thấy mọi hiện tượng khắp biến pháp giới hư không giới, đều là tâm hiện thức biến. Ngài tìm được tâm năng hiện, cũng tìm ra tâm năng biến, sở sanh, sở hiện, sở biến, không có gì không biết!

Nhà Phật dạy học không có gì khác, ngoài mục đích dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là trở về với tự địa. Ta sanh ra từ đây, sau cùng phải trở về lại đây, trở về với tự tánh. Trở về tự tánh trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu giác vị, quả Phật cứu cánh, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ tát Đẳng giác vẫn chưa được gọi là vô thượng, ở trên còn có Diệu giác. Đến Diệu giác là không còn nữa, gọi là vô thượng. Diệu giác trở

về thường tịch quang, thường tịch quang là tự tánh. Phước tuệ đều viên mãn, đây gọi là vô ngại trí.

Đại Tập Kinh quyển thứ nhất nói: “trí tuệ vô ngại không có biên tế, thiện giải chuyện ba đời của chúng sanh”. Trí tuệ vô ngại không có biên tế, thiện giải, chữ thiện này, chúng ta phải đặc biệt chú ý chữ này. Thiện giải là pháp vốn như vậy, không cần học tập. Ngày nay chúng ta cần phải học mới hiểu, ngài không cần, không cần được chăng? Được, có chứng minh. Quý vị thấy lục tổ Huệ Năng của Thiên tông, không được học hành, không biết chữ. Học Phật chưa từng nghe giảng kinh, chưa vào giảng đường, ngài đã khai ngộ. Canh ba nửa đêm, ngũ tổ Hoằng Nhẫn gọi ngài vào phòng phương trượng, giảng cho ngài nghe đại ý Kinh Kim Cang. Theo dự đoán của chúng tôi, nhiều nhất là hai tiếng. Nói đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài hoát nhiên đại ngộ. Ngài báo cáo tâm đắc của mình với Ngũ tổ, chỉ có năm câu: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Đâu ngờ, nói như hiện nay là không thể ngờ rằng tự tánh, đây là kiến tánh. Không thể ngờ rằng tự tánh vốn tự thanh tịnh, xưa nay chưa từng bị nhiễm ô. “Vốn không sanh diệt”, nó không sanh không diệt. “Vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp”. Ngũ tổ nói không cần nói thêm nữa, liền truyền y bát cho ngài, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Thiên tông, bảo ngài lập tức ra đi. Câu chuyện này xuất hiện vào thời nhà Đường. Vì sao phải đi? Đây là việc tốt, những đồng học không phục, chư vị đồng học ngày ngày nghe thầy giảng kinh, nghe không biết bao nhiêu năm rồi. Bây giờ một người bên ngoài mới đến, không biết chữ, căn bản chưa từng bước chân vào giảng đường, sao lại truyền y bát cho người đó? Mọi người không phục. Chúng ta gọi đây là đồ kỵ, ngạo mạn, phải đoạt lại y bát. Vì thế nửa đêm Ngũ tổ phải đưa Lục tổ đi, bảo ngài nhanh chóng trốn đi, tránh người khác tìm được làm hại. Đây là chạy nạn. Ngài sống trong đội thợ săn 15 năm, không ai biết, làm việc cho thợ săn. Làm cơm cho những người thợ săn này, những người này cần ngài, ngài ăn rau trong nồi thịt. Thợ săn ăn thịt, ngài nấu rau trong nồi thịt của họ, ngài ăn như vậy suốt 15 năm. 15 năm sau, mọi người quên dần việc này, chướng ngại không còn, ngài mới xuất hiện. Chư vị phải biết, ngài đã khai ngộ, mời ngài giảng kinh ngài có thể giảng được tất cả các kinh, không có gì ngài không biết. Nếu trong thời đại ngày nay, có thể người ta còn mời ngài giảng văn hóa truyền thống, ngài cũng nói được. Pháp thế xuất thế gian đều không có chướng ngại, thật không thể nghĩ bàn! Đây là gì? Là trí tuệ vô ngại, vốn có trong tự tánh. Chỉ cần minh tâm kiến tánh, thế xuất thế gian này toàn thông.

“Trí tuệ vô ngại không có biên tế, thiện giải chuyện ba đời của chúng sanh”. Ba đời này là gì? Là quá khứ, hiện tại, vị lai, ngài biết tất cả quá khứ, vị lai của tất cả chúng sanh. Kinh Vô Lượng Thọ bản Ngụy Dịch quyển hạ nói: “đầy đủ Phật nhãn, giác ngộ pháp tánh, lấy vô ngại trí, vì người diễn

thuyết”. Bản dịch của Khương Tăng Khải lưu thông rất rộng, có bốn câu kinh văn này.

“Phật nhãn đầy đủ, ngũ nhãn viên minh”. Chúng sanh có nhục nhãn, thiên nhãn có thiên nhãn, Thanh văn có tuệ nhãn, Bồ Tát có pháp nhãn, Như Lai có Phật nhãn, đầy đủ những gì? Đầy đủ nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn. Trên đầy đủ ở dưới, dưới không đầy đủ trên. Phạm phu chúng ta chỉ có nhục nhãn, thiên nhãn có thiên nhãn. Thiên nhãn cũng có nhục nhãn, nhưng nhục nhãn không bao gồm thiên nhãn, thiên nhãn bao gồm nhục nhãn. Tuệ nhãn của A la hán bao gồm thiên nhãn, bao gồm nhục nhãn. Cho nên Phật nhãn đầy đủ, giác ngộ pháp tánh. Pháp tánh chính là tự tánh. Ý nghĩa của tự và pháp hoàn toàn tương thông. Tự tánh của tất cả pháp, pháp là tất cả pháp, tánh là tự tánh, cho nên dùng pháp tánh để khái quát, cũng chính là Phật tánh. Phật nghĩa là giác, giác ngộ pháp tánh, giác tánh. Dùng một chữ giác, một chữ tánh- giác tánh, đây là nghĩa của Phật.

Pháp tánh là gì? Là năng hiện năng sanh. Pháp là tất cả các pháp khắp biến pháp giới hư không giới, không sót điều gì. Phật đều nhìn thấy, đều thấu triệt. Ngài có thể dùng trí tuệ vô ngại vì người diễn thuyết, giáo hóa chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới, không có chướng ngại, đây là Phật.

“Cho nên Pháp Tạng phát nguyện cầu trí tuệ vô ngại này, vì cứu giới chúng sanh diễn nói diệu pháp. Khế lý khế cơ, tất cả vô ngại. Bồ Tát Pháp Tạng phát nguyện cầu trí tuệ Phật, như trí tuệ vô ngại của Phật”. Phật ở đây là thầy của ngài- Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Câu trí tuệ, không có trí tuệ không thể độ chúng sanh. Độ chúng sanh nhất định phải có trí tuệ viên mãn, biện tài vô ngại, mới có thể dạy, mới có thể cảm hóa chúng sanh.

Đối tượng là chúng sanh cứu pháp giới, phạm vi này quá lớn. Không phải cứu pháp giới của một cõi Phật, mà là vô lượng vô biên vô tận vô số, cứu pháp giới chúng sanh trong tất cả cõi nước chư Phật, chúng ta không thể tưởng tượng được. Chư vị phải biết, cảnh giới của Phật Bồ Tát, trên thực tế không khác gì chúng ta. Khác nhau chính là họ giác ngộ, chúng ta mê hoặc, sai biệt ở điểm này. Nếu chúng ta phá mê khai ngộ, cũng không có gì khác họ. Mê hoặc thật đáng thương, mê hoặc nghĩa là rất hồ đồ, không biết chân tướng sự thật, tự cho mình thông minh. Chân tâm của mình không có, chân tâm là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, họ đều không có. Bây giờ chúng ta khởi tâm động niệm toàn nhiễm ô, không bình đẳng, tạp loạn, mê hoặc điên đảo. Chúng ta đối với chân tướng của vũ trụ, thật tướng các pháp đều thấy sai, nghĩ sai. Ý nghĩ sai lầm, dẫn đến nói sai, làm sai, đó là tạo nghiệp. Vì thế Phật, và những vị pháp thân Bồ Tát nhất định là kiến tánh, mới có thể giúp

cửu pháp giới chúng sanh diễn thuyết diệu pháp. Diễn là biểu diễn, thể hiện ra cho mọi người thấy.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, 19 tuổi biểu diễn cầu học, ngài diễn thành hiện nay gọi là phân tử tri thức. Dùng thân phận này thị hiện tính hiếu học, phân tử tri thức hiếu học. Học suốt 12 năm, tất cả tông phái học thuật đương thời của Ấn độ ngài đều học hết. 12 năm là học hết, không còn gì để học, ngài liền biểu diễn thành Phật, nghĩa là biểu diễn thành tựu trí tuệ vô ngại, thành tựu đức năng viên mãn. Những thứ này tự tánh vốn có, chúng sanh đã mê mất. Thị hiện thành tựu ra sao? Ngài nhập định dưới cội cây bồ đề, từ trong định thị hiện xuất định. Ban đêm nhìn thấy sao trên trời, tức là lúc sao mai vừa mọc, ngài đại triệt đại ngộ, kiến tánh, làm gương cho chúng ta thấy. Năm 19 tuổi xuất gia, thị hiện cho chúng ta thấy, buông bỏ phiền não chướng. Dưới cội bồ đề cây tất bát la về sau gọi là cây bồ đề, ngài khai ngộ dưới cội bồ đề, buông bỏ sở tri chướng. Thế nào gọi là sở tri chướng? Sở học 12 năm gọi là sở tri chướng, nếu không buông bỏ nó thì không thể kiến tánh, nó chướng ngại ta kiến tánh. Buông bỏ tất cả những gì học được trong 12 năm, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác hiện tiền, làm gương cho chúng ta noi theo, đây gọi là thành Phật. Sau khi thành Phật ngài bắt đầu dạy học, 79 tuổi nhập diệt. Dạy học suốt 49 năm chưa từng gián đoạn dù chỉ một ngày, Thế Tôn chưa hề nghỉ một ngày nào. Ngài dạy học không câu nệ hình thức, một người đến ngài dạy một người, hai người ngài cũng dạy, đoàn thể đến cũng dạy. Sau khi viên tịch, hàng đệ tử của ngài, đem diệu pháp thầy mình giảng trong suốt cuộc đời, mời ngài A nan giảng lại. Đại sự này do tôn giả Ca Diếp đứng ra chủ trì, tôn giả A nan giảng lại, 500 A la hán làm chứng, ghi chép lại biên tập thành kinh điển lưu truyền cho hậu thế. Đây là vị người diễn thuyết.

“Khế lý khế cơ, nhất thiết vô ngại”. Lý là tự mình chứng được, nghĩa là kiến tánh, minh tâm kiến tánh. Đây là lý thể của tất cả vạn pháp khắp biến pháp giới hư không giới. Pháp này từ đâu mà có? Không phải trong không sanh ra có, nó có đạo lý trong đó. Tất cả chúng sanh buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước liền thành Phật. Thành Phật, cảnh giới ta chứng được hoàn toàn tương đồng, cùng một lý, một tự tánh, không có hai tự tánh. Cho nên nói “trên khế hợp với lý của chư Phật”, đây gọi là khế lý. “Dưới khế hợp với căn cơ của chúng sanh”, khế cơ là gì? Là thích hợp với trình độ của chúng sanh. Trình độ chúng sanh không giống nhau, khác biệt vô cùng. Cho nên đức Phật thuyết pháp cũng có nhiều cách khác nhau. Đây gọi là gì? Gọi là pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, không có pháp môn nào không khế lý. Không khế lý thì không phải Phật pháp, pháp pháp đều khế lý, cho nên nó là pháp bình đẳng, không có sai biệt.

Giáo hóa chúng sanh, hàng thượng căn một lần nghe ngàn lần ngộ. Giống như đại sư Huệ Năng trong phòng phương trượng của ngũ tổ Hoàng Nhẫn, hai tiếng đồng hồ là giải quyết mọi vấn đề, ngài đã thành Phật. Đây là bậc thượng thượng căn, hạng người này rất ít. Hàng thượng trung hạ căn phải mất một khoảng thời gian để dạy.

Thế Tôn dạy học chia ra năm thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là thời Hoa Nghiêm, suốt hai tuần ở trong định giảng kinh, giảng Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Độ những ai? Độ hàng thượng thượng căn, không phải thượng thượng căn không thấy được. Ta thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi thiền dưới cội bồ đề, không biết ngài đang giảng kinh. Hàng thượng thượng căn là pháp thân đại sĩ, có thể vào trong cảnh giới thiền định của Thế Tôn. Khi ta ở trong định, có thể vào trong cảnh giới của ngài, nghe ngài giảng kinh thuyết pháp. Người không có năng lực này, đức Phật tùy theo căn cơ mà dạy. Trước tiên giảng 12 năm A hàm, cấp tiểu học, đều nói về luân lý, đạo đức, nhân quả, giáo dục phổ thế. Giống như chư vị thánh nhân vậy, nói với quý vị về “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Nói về những điều này, đây là giảng cho tiểu học. Đến trung học là tám năm Phương Đẳng, cộng lại là 20 năm. Có nền tảng 20 năm này, mới nói với quý vị về trí tuệ, trí tuệ viên mãn, bát nhã, Kinh Bát Nhã giảng 22 năm. Quý vị thử nghĩ xem, Đức Phật giảng kinh dạy học suốt 49 năm, dùng 22 năm giảng Kinh Bát Nhã. Thế Tôn dạy học lấy gì làm tông chỉ? Đương nhiên là Bát nhã, trí tuệ, Phật pháp là trí tuệ. Kết thúc 22 năm này gọi là tốt nghiệp, là tốt nghiệp đại học, tiếp theo là nghiên cứu sở. Tám năm nghiên cứu sở nói những gì? Giảng về Pháp Hoa, Pháp Hoa là gì? Là con đường thành Phật, pháp nhất thừa. Bát nhã là Bồ Tát, Pháp Hoa là thành Phật, vào trong hội Pháp Hoa tất cả đều thành Phật. Đây là một đời giáo hóa của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật. Thành Phật là thành gì? Là thành tựu trí tuệ viên mãn, phước đức viên mãn, phước tuệ viên mãn, tất cả vô ngại.

Câu thứ hai. “Sở hành từ mãn hành”, câu trước là “như trí tuệ vô ngại của Phật”. Trí tuệ khai phải giúp chúng sanh, không giúp chúng sanh, trí tuệ này có lợi ích gì? Cho nên tiếp theo là độ chúng sanh, những gì họ làm là từ mãn. “Nguyện cầu những gì mình làm, có thể từ mãn như Thế Tôn làm”. Phật là tấm gương tốt của Bồ Tát, điển hình tốt. Phật là thầy, Bồ Tát là học sinh, thầy phải làm gương tốt cho học sinh noi theo, thân hành ngôn giáo. “Thế Tôn lấy vô duyên đại từ, ai mãn chúng sanh, giống như con mình, đảm nhiệm cứu tế, đều đặng bỉ ngạn”. Đây là nhà Phật dụng tâm giáo hóa chúng sanh, mục đích giáo hóa chúng sanh, động lực đó, điều gì thúc đẩy họ? Người thế gian làm việc, động lực là gì? Là danh, là lợi, danh lợi thúc đẩy họ. Xã hội hiện nay danh vẫn đứng thứ hai, động lực chủ yếu là lợi, không có lợi họ có làm chăng? Không làm, có lợi lộc họ liều chết để làm. Con người trong xã hội ai không

thích lợi? Người có tố chất cao một chút, chúng ta gọi là người có học vấn, có đức hạnh, họ cần danh.

Bồ Tát, La hán không như vậy, họ không cần danh cũng không cần lợi, nhưng họ làm tích cực hơn ai hết. Động lực này là gì? Là từ bi, tâm từ bi thúc đẩy họ. Tâm từ bi này không có điều kiện, vô duyên là không có điều kiện, điều này rất đáng nể. Tâm từ bi bình thường có điều kiện, chúng là con tôi làm sao không thương được? Phật đối với tất cả chúng sanh không có điều kiện, thật ra vẫn có điều kiện, điều kiện gì? Ngài biết, người khác không biết. Ngài biết tất cả chúng sanh với mình là nhất thể, cho nên thường nói: “vô duyên đại từ”, câu tiếp theo là “đồng thể đại bi”, đồng thể! Nói cách khác, giúp quý vị là giúp chính tôi, không phải giúp người khác, tự tha không hai. Quý vị chịu khổ, tôi nhìn thấy trong lòng rất khó chịu, vì sao vậy? Vì nhất thể, tôi không thể không quan tâm quý vị. Ví dụ tay trái tay phải của chúng ta là nhất thể, tay trái bị thương, tay phải cần băng bó cứu giúp chằng? Vì sao phải giúp nó? Vì là nhất thể, chính là đạo lý này.

Chúng sanh mê mất tự tánh, không biết chúng sanh với mình là nhất thể. Như vậy là sai, đây gọi là mê. Khi nào ta giác ngộ? Ta có thể xem chúng sanh thành nhất thể, tức là giác ngộ. Chưa xem tất cả chúng sanh thành nhất thể, là ta mê, chưa giác ngộ. Đức Phật ở thế gian này, ngài xem chúng ta là nhất thể, chúng ta không như vậy. Đây nghĩa là chúng ta mê, ngài giác.

Người không giác ngộ vẫn hoài nghi Phật, vì sao ngài tốt với chúng ta như thế? Phải chằng có mưu đồ? Có mục đích gì? Hoàn toàn nghĩ lệch lạc. Nhưng Phật biết, nếu quý vị có những tư tưởng này, Phật liền lìa xa, tạm thời không quan tâm đến. Nếu đối với Phật có cảm ân, cảm tạ, quan tâm, Phật thật sự đến chăm sóc quý vị, quan tâm rất nhiều. Còn như hoài nghi, ngài liền ra đi. Động lực thật sự chính là nhất thể. Nếu ngài giúp ta, nhất định giúp ta thành Phật. Sau khi thành Phật, ta hoàn toàn hiểu rõ nhất thể, mới thật sự thấu triệt chân tướng sự thật. Đối với chúng sanh mê mất tự tánh, ai mãi thập pháp giới chúng sanh, sanh tâm ai mãi. Xem tất cả chúng sanh như con của mình, như nghĩa là bằng nhau. Giống như bậc cha mẹ này, chỉ nuôi một đứa con, đứa con duy nhất, sao họ không thương yêu được! Dùng phương pháp này để hình dung. Đức Phật từ bi lân mãi đối với tất cả chúng sanh, như đứa con duy nhất của thượng đế trong tôn giáo phương tây vậy. Cách nói này trong Thánh Kinh tôi tin ý nghĩa giống như kinh Phật, giống như con của mình vậy.

“Đảm nhiệm cứu tế”, chằng là cứu, tế cũng là cứu. Đảm nhiệm, gánh vác trách nhiệm này. Phải dạy thật tốt những chúng sanh này, khiến những chúng sanh này quay đầu. Đây chính là những gì trong tam quy y nói, quy là trở về,

quay đầu, y là nương tựa. Chúng ta học Phật, bước vào cửa Phật, việc đầu tiên là quy y tam bảo. Nhưng ngày nay tam quy y chỉ hữu danh vô thực, vì sao vậy? Vì không trọng thực chất. Tam quy là có điều kiện, không phải không có điều kiện, không phải ai cũng có thể thọ được. Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước nói với chúng ta, đó chính là điều kiện, người như thế nào mới có thể thọ tam quy? Trong kinh này thường nói “thiện nam tử thiện nữ nhơn”, thiện là tiêu chuẩn. Thiện là tiêu chuẩn gì? Là Thập Thiện Nghiệp đạo. Nếu thực hành được Thập Thiện Nghiệp đạo, mới có tư cách gọi là thiện nam tử thiện nữ nhơn, mới có tư cách tiếp thọ tam quy y, nếu không tam quy y là giả. Trước Thập Thiện Nghiệp Đạo còn có “tù tâm bất sát”, quý vị có làm được chăng? Trước tù tâm bất sát lại có “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Quý vị xem phước thứ nhất là nền tảng của phước thứ hai, không có phước thứ nhất làm gì có phước thứ hai? Chư vị đồng học quan sát tường tận xem, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng thực hành như thế nào? Chính là thực hành Đệ Tử Quy. Trong Đệ Tử Quy nói đến 113 vấn đề, quý vị có làm được chăng? Đó là 113 nguyên tắc, triển khai ra là vô lượng vô biên. Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật giáo, tiểu thừa triển khai thành 3000 oai nghi, Bồ Tát đại thừa triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Triển khai Đệ Tử Quy sẽ không ít hơn Thập Thiện. Cũng vậy trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nói về quả báo thiện ác, đưa ra 195 điều, không nhiều. Đây là nền tảng của Thập Thiện Nghiệp đạo, không có nó Thập Thiện không có cơ sở, Thập Thiện không thể an lập.

Phật giáo truyền đến Trung quốc, có thể cảm rõ đâm chồi khai hoa kết quả, vượt qua Ấn độ. Đương thời hàng đệ tử Phật truyền pháp, truyền khắp tám phương bốn hướng trên thế giới, chỉ duy nhất ở Trung quốc thành tựu. Nguyên nhân gì? Nền tảng ở đây quá vững, nền tảng của Nho và Đạo giáo. Cho nên truyền đến các nơi trên toàn thế giới, về sau dần dần đều không còn. Có nơi truyền được hai ba trăm năm thì diệt vong, có vài nơi truyền được năm sáu trăm năm, bảy tám trăm năm, quá 1000 năm rất ít. Duy nhất ở Trung quốc truyền đến 2000 năm không suy yếu, nguyên nhân gì vậy? Nhờ Nho và Đạo giáo phò trợ, đây là chủ lưu của truyền thống văn hóa xưa, Phật pháp cũng nhập vào chủ lưu. Ngày nay nói đến truyền thống văn hóa, không thể tách rời được Nho Thích Đạo. Rời khỏi Nho Thích Đạo, truyền thống xưa không còn nữa.

Chúng ta muốn học Phật, muốn được một chút thành tựu trong Phật pháp, có thể lơ là chăng? Những đồng tu trẻ tuổi, bất luận là tại gia hay xuất gia, muốn pháp tâm hoàng hộ chánh pháp, hoàng pháp, hộ pháp đều phải nắm vững bốn nền tảng. Nền tảng thứ tư là Sa Di Luật Nghi, là trong Phật pháp nói về tôn sư trọng đạo. Phật pháp là sư đạo, Nho giáo nói về hiếu đạo, sư đạo kiến lập trên nền tảng của hiếu đạo. Không có hiếu tức không có Phật, có

Phật nhất định có hiểu, đạo lý này không thể không hiểu. Chúng ta xa lìa hiểu thân tôn sư, nghĩa là gốc rễ bị hư hỏng, dù nỗ lực thế nào cũng không thể thành tựu. Như gốc đại thụ rễ bị hư hoại vậy.

Tịnh Nghiệp Tam Phước, đặt hiểu thân tôn sư lên hàng đầu, câu thứ nhất là “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Con người bây giờ không chú trọng những điều này, vì thế không có nền tảng thánh hiền, cũng không có nền tảng của Phật Bồ Tát. Thời đại này không có thánh hiền xuất thế, chúng ta biết vì sao thánh hiền không thể xuất thế? Vì không có nền tảng. Thánh hiền xuất hiện trên thế gian này, cha mẹ không biết vun bồi, không biết đặt nền tảng cho họ. Tuy là thánh hiền tái sanh, cũng sống một đời rất bình thường, như vậy là sai. Khi có trí tuệ, phải phát nguyện làm việc Phật làm, “cho nên nguyện có thể làm việc Phật làm”. Việc Phật làm chính là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. “Đảm nhiệm cứu tế, đều đặn bỉ ngạn”, đây là việc Phật làm. “Cho nên nguyện có thể làm việc Phật làm. Câu trên là nguyện cầu trí tuệ Phật, câu này là nguyện cầu từ bi của Phật, trí và bi cùng vận hành, viên mãn khế hợp bồ đề. Hai thứ này như đôi cánh của con chim, thiếu một cũng không được”. Có trí tuệ không có từ bi, không thể lợi ích chúng sanh. Có từ bi không có trí tuệ, cũng không làm được. Cho nên nói, học Phật cần phải học hai thứ này, đầy đủ hai thứ này, tức ở đây nói “bi trí cùng vận hành, viên mãn khế hợp bồ đề”. Như vậy phải phát tâm “thường làm thầy của trời người”. Phật Bồ Tát xuất hiện ở thế gian này, thân phận gì? Thân phận là người thầy, cho nên công việc Phật Bồ Tát làm trong suốt cuộc đời là dạy học. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, ngài không phải Tôn giáo, ngài dạy gì? Trong mỗi bộ kinh, đều có giáo dục luân lý đạo đức nhân quả. Trong kinh điển đại thừa, có giáo dục của khoa học và triết học. Luân lý, đạo đức, nhân quả, đây gọi là giáo dục phổ thế. Đây là phổ biến giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là mục tiêu của giáo dục.

Đối với chính mình thì sao? Nói cho chư vị biết, không có mong cầu gì cả. Không hề dính dáng đến danh văn lợi dưỡng, tâm địa thanh tịnh bình đẳng, làm mà không làm, không làm mà làm. Ứng hóa ở thế gian giáo hóa chúng sanh, có chướng ngại đối với bản thân chăng? Không có chướng ngại, vì sao không có chướng ngại? Vì không có nhiễm ô. Nếu trong này khởi tâm danh lợi, như vậy là bị tổn thương, ta đánh mất tâm thanh tịnh, đánh mất tâm bình đẳng. Đọa lạc làm phàm phu, phải trôi lăn trong luân hồi lục đạo, nghĩa là thoái chuyển. Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, vĩnh viễn là tam bất thoái. Làm sao để duy trì tam bất thoái? Chính là tam luân thể không, làm mà không làm, không làm mà làm, đây là được đại tự tại. Không phải vì danh, không phải vì lợi, người thế gian không thể hiểu được. Ngài thật tuyệt diệu, sự tuyệt diệu này người thế gian không hiểu. Người thế gian suy nghĩ lung

tung, nhất định có ý đồ, chắc chắn có mục đích, nếu không vì sao ngài làm như vậy? Càng đoán càng sai, đoán sai hoàn toàn, đó gọi là tạo tội nghiệp. Thực tế mà nói, giống như cha mẹ đối với con cái vậy, họ chăm sóc con cái một cách chu đáo, họ có ý đồ chăng? Họ có mục đích chăng? Có thể có, khi mình già được con cái hiếu thuận, con cái sẽ chăm sóc. Đây là ý đồ của họ, là mục đích của họ. Đức Phật không cần, ngài không cần ta chăm sóc, không cần ta báo đáp. Điều này quả là không thể nghĩ bàn, đây đúng là không hiểu gì cả, nhưng nó thật tuyệt diệu! Đây gọi là pháp xuất thế, thật là siêu việt thế gian.

“Thường làm thầy của trời người”, lấy thân phận này xuất hiện tại thế gian. Người thầy, vị thầy này rất tốt, không thu học phí, không cần danh, không cần lợi, hoàn toàn là tình nguyện giáo dục. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là thân phận gì? Tôi thường nói, giới thiệu cho mọi người, chúng ta học Phật, không thể không biết thầy mình, điều này ban đầu đại sư Chương Gia dạy tôi. Nếu không hiểu biết về Đức Phật Thích Ca, nhất định ta đi sai đường, đi vào ngã rẽ. Cần phải hiểu về ngài trước, ngài làm gương cho chúng ta, chúng ta học Phật chính là học theo ngài.

Tôi học Phật đích thực không giống với người khác, cuốn sách đầu tiên tôi xem là Thích Ca Phổ, Thích Ca Phương Chí. Nghĩa là truyện ký của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Người thời nhà Đường viết, trong Đại Tạng Kinh có. Lúc tôi học là 60 năm trước, sách này không mua được, bên ngoài không lưu thông, phải làm sao? Đến chùa tìm Đại Tạng Kinh chép ra, cũng may phân lượng không nhiều lắm, bản thân chúng tôi cũng chỉ có sao chép. Lúc đó học tập rất khó khăn, nhưng học rất thiết thực. Sau khi học xong, biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là con người chứ không phải thần, liền khẳng định ngài không phải Tôn giáo. Ngài giống như Khổng tử vậy, là một bậc thầy, nhưng Khổng phu tử còn thu một ít học phí, ngài không thu học phí. Chúng ta khẳng định thân phận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hiện nay gọi là nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, đây là thân phận của ngài. Sự nghiệp trong đời ngài, là người công tác từ thiện về giáo dục văn hóa đa nguyên. Ngài dạy học không thu học phí, làm từ thiện, là thân phận như thế. Chúng ta đã hiểu về ngài, muốn học tập theo ngài, cũng phải đầy đủ thân phận này, giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, làm công việc này. Toàn tâm toàn ý thúc đẩy, lợi ích tất cả chúng sanh, xa lìa danh văn lợi dưỡng, như vậy mới học được! Đây là yêu cầu của Đức Phật Thích Ca đối với chúng ta, bằng không ngài làm gương như vậy để làm gì? Ngài làm gương là thân giáo, kinh điển là ngôn giáo, thân hành ngôn giáo. Hai điều này là viên dung, không thể tách rời nhau, tách rời là sai.

“Thiên Nhân Sư, là một trong mười danh hiệu của Như lai”. Những danh hiệu này đều là tán thán Đức Phật, vì thế ngài có mười hiệu. Kinh Hoa Nghiêm dùng số mười biểu trưng cho sự viên mãn, cho nên số mười không phải là chữ số, mà là tán thán một cách viên mãn, ngài là sư biểu của cõi trời và nhân gian. “Được làm tam giới hùng”, tam giới hùng nghĩa là gì? “Cũng là đức hiệu của Phật”, cũng là từ tán thán ngài. Tam giới, ở sau có.

Bên dưới giải thích. “Tam giới là dục giới, sắc giới, vô sắc giới”, đây là lục đạo. Hùng nghĩa là gì? Phạm Phương Tiệp Kinh Pháp Hoa nói: “thế hùng không thể đo lường”. Tịnh Ảnh Sớ nói: “thế hùng là tên gọi khác của Phật”, cũng là tán thán. Hùng người xưa gọi là anh hùng, anh hùng là ai? Nghĩa là gì? Là người khác không làm được, họ làm được, đây gọi là hùng. Việc gì người khác không làm được? Liễu sanh tử, xuất tam giới, người bình thường không làm được, thiên nhân cũng không làm được. Quý vị xem người trong dục giới của tam giới, dục giới rất đáng thương không ra khỏi dục giới. Ra khỏi dục giới là sắc giới, ra khỏi sắc giới là vô sắc giới. Nhưng tam giới đều ở trong lục đạo, ta không thể vượt thoát luân hồi lục đạo. Phật vượt ra được, điều này không có gì để nói, ngài đúng là đại anh hùng.

Lúc Đức Phật còn tại thế, suốt đời không ở nơi nào cố định, đa phần đều ở ngoài trời nơi hoang dã. Sau khi Phật diệt độ, không tể, quý vị thấy xây không biết bao nhiêu ngôi chùa lớn, nơi đại hùng bảo điện thờ tôn tượng ngài, đây là người đời sau tưởng nhớ. Điện thờ Phật gọi là đại hùng bảo điện, bảo điện của bậc đại anh hùng. Đại anh hùng tức là ngài có thể làm được việc mà người khác không làm được. Tam giới lục đạo khổ, tam giới đều đau khổ, không đoạn được khổ, Phật đoạn được, đây đều là sự nghiệp của bậc anh hùng. Dục giới có tám khổ, sắc giới có hoại khổ, vô sắc giới có hành khổ, ba loại khổ này Phật đều không có. Khổ là quả, khổ từ đâu mà có? Khổ do phiền não tạo ra. Khổ trong tam giới do kiến tư phiền não mà có, nghĩa là nói ta đối với tình huống thực tế trong tam giới đã thấy sai, nghĩ sai.

Chân tướng của tam giới là gì? Kinh Kim Cang nói rất hay: “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”. Trong Chứng Đạo Ca đại sư Vĩnh Gia nói: “mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”. Đã nói rõ chân tướng của tam giới, tam giới như một giấc mộng. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong tam giới, giảng kinh thuyết pháp khuyên dạy chúng sanh. Các bậc cổ đức gọi họ là du hí nhân gian, Phật sự trong mộng. Nói quá hay, không phải thật, hà tất coi đó là thật? Coi như thật là sai, không được coi là thật.

Phật Bồ Tát ứng hóa tại nhân gian, họ không hề lưu luyến thế gian này. Không cần danh, không cần lợi, không cần gì cả, họ không bị dính mắc, dính

mắc một chút tức bị nhiễm ô, tâm thanh tịnh không còn. Sự việc không tính thành bại, chỉ nỗ lực làm. Việc tốt cố gắng làm, làm thành tựu chúng sanh có phước, làm không thành công chúng sanh không có phước, không liên quan gì đến mình. Tận tâm tận lực công đức sẽ viên mãn. Không phải làm việc xong như vậy coi là viên mãn, không phải vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “Phát ý viên thành, công đức viên mãn”. Trong tâm có thật, công đức liền viên mãn. Không cần là sự, sự có nhân duyên không giống nhau.

Mấy năm trước, chúng tôi thành lập trung tâm văn hóa tại thị trấn Thang trì, thí nghiệm dạy Đệ Tử Quy, thí nghiệm thành công. Tuy ba năm là đóng cửa, nhưng công đức viên mãn. Không phải chúng ta không làm, mà phải tùy duyên. Nhân duyên đầy đủ làm một cách hoan hỷ, duyên không đầy đủ lập tức buông bỏ, không lưu lại chút dấu vết nào, đây mới là đại viên mãn.

Ngày nay thế giới hỗn loạn, địa cầu thiên tai dòn dập, chúng ta thấy chúng sanh rất đau khổ, chúng sanh đang tạo nghiệp. Trong mấy năm gần đây, đại diện trường học tham gia không ít lần hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Cơ duyên này khiến chúng tôi quen rất nhiều chuyên gia học giả, cũng quen rất nhiều các bậc lãnh đạo của quốc gia. Chúng tôi rất cảm động, rất khâm phục, họ rất có tâm cầu trị. Hy vọng thiên hạ đại trị, xã hội an định, thế giới hòa bình, người người đều có đời sống hạnh phúc. Chúng tôi tiếp xúc đều rất cảm động, nhưng tìm không ra phương pháp.

Thân phận ngày nay của chúng tôi, bây giờ gọi là người ngoài. Đây là sự nghiệp của thế gian, phải buông bỏ, buông bỏ thật sự, nhưng quý vị có tâm từ bi chẳng? Nếu có chút tâm từ bi, quý vị thấy như vậy không cảm thấy khó chịu ư? Cho nên có nhân duyên chúng ta phải giúp, không có duyên mỗi ngày chúng ta tu học, nương theo kinh điển tu học, niệm Phật, hồi hướng công đức này cho họ. Đây chính là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Chúng ta đang làm, nhưng phải nghĩ ra phương pháp.

Mấy tháng gần đây, khi tôi trị bệnh nha chu ở Cao Hùng, xem cuốn sách Chư Tử Trị Yếu, chúng tôi mới biết khi Đường Thái Tông còn tại thế, biên tập một bộ bảo điển trị nước, gọi là Quán Thư Trị Yếu. Tôi biết có bộ sách này, rất muốn tìm nhưng không có, vì bộ sách này trong Tứ Khố không có. Đường Tống Nguyên Minh Thanh, trong sách sử năm triều đại này, trong Nghệ Văn Chí cũng không có, không nhắc đến nó. Tôi không biết làm thế nào, rõ ràng có bộ sách này, sao lại không thấy? Khi tôi giảng kinh có nhắc đến một hai lần, may mắn, những vị đồng học có tâm, qua mạng, qua ti vi nghe tôi giảng kinh, mọi người tìm giúp tôi rồi giới thiệu. Tôi rất cảm kích chư vị đồng học đã làm việc này. Mở ra xem là bản của đầu năm dân quốc, xem

mấy bài tựa ở trước mới biết. Sau khi nhà Đường mất nước, cuốn sách này thất truyền, ở Nhật bản có. Do đó chúng tôi biết, bộ sách này_Nhà Đường là thịnh thế, Nhật bản, Hàn quốc, Việt nam, người của các nước này đến lưu học rất đông, khi về họ mang theo những bộ sách này. Thời nhà Đường chưa có thuật in ấn, toàn là bản viết tay, thuật in ấn phát minh vào thời nhà Tống, đều là bản viết tay. Bản viết tay, chúng ta biết phân lượng không nhiều, rất ít, rất dễ thất truyền. Không như hiện nay thuật in ấn phát triển, rất nhanh chóng có thể in được mấy mươi vạn cuốn. Bởi vậy sau khi chúng tôi nhận được vui mừng vô tận, liền tìm đến nhà sách quen thuộc, nhà sách Thế Giới ở Đài Loan. Nhờ họ in 10 ngàn bộ, như vậy về sau không bị thất truyền. Mười ngàn bộ sách này tôi muốn tặng cho mỗi quốc gia, tặng cho người lãnh đạo, họ có thể đưa vào trong thư viện các trường đại học, đưa vào trong thư viện quốc gia.

Thời nhà Đường trong lịch sử, là thời đại thịnh thế nổi tiếng nhất. Ngày nay trên toàn thế giới, nhiều nơi Hoa kiều ở đều có phố Đường Nhân, nó không gọi là phố Hán Nhân mà gọi là phố Đường Nhân. Đường xuất phát từ đâu? Chính là thời nhà Đường. Lý luận phương pháp kinh nghiệm trị quốc của thời đại này, đều ở trong bộ sách này. Bộ sách này phân lượng không nhiều, tất cả có khoảng 50 vạn chữ, có thể làm tài liệu tham khảo cho những bậc chí sĩ yêu nước.

Đây là người ngoại như chúng tôi, công hiến một chút cho những nhà chính trị, phụng hiến cho họ. Việc này chỉ làm đến đây thôi, ngoài ra chúng tôi không dính dáng đến. Tuổi tác của tôi đã lớn, muốn tôi làm cũng làm không nổi, không đủ thể lực. Những năm còn lại niệm Phật, giảng kinh dạy học, ngoài việc này ra tôi không muốn tham gia bất lý hoạt động nào, trở về nghề chính của chúng tôi. Phương thức của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là giảng kinh dạy học. Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, chúng ta mới thật sự đạt được đại viên mãn.

Chúng ta xem tiếp phần chú giải. “Phật đoạn tận tất cả phiền não, cho nên gọi là đại hùng trong tam giới”. Hay nói cách khác, đoạn tận phiền não là việc không đơn giản. Đức Phật dạy, đoạn kiến tư phiền não chứng được quả A la hán, đoạn trần sa phiền não chứng được quả vị Bồ Tát, đoạn vô minh phiền não tức thành Phật. Phật, Bồ Tát, A la hán là danh xưng của ba học vị trong Phật pháp. Mọi người đều có thể đạt được, quý vị chịu đoạn cũng đạt được, không cần người ta phong danh hiệu, tự ta thành tựu được. Đoạn tận kiến tư phiền não quý vị chính là A la hán, Chư Phật Như Lai đều thừa nhận, lục đạo không còn. Đoạn tận trần sa phiền não tức thành Bồ Tát, cao hơn A la hán, trong tứ thánh pháp giới, không phải hai giới bên dưới, mà là hai giới ở trên. Phật, Bồ Tát trong tứ thánh pháp giới. Nếu đoạn tận vô minh phiền não,

tứ thánh pháp giới không còn, biến mất. Như tỉnh lại sau giấc mộng vậy, cảnh giới trong mộng không còn, tỉnh dậy là thế giới gì? Là cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như lai. Nói đến chư Phật Như Lai quý vị có một phần, cũng chính là cõi thật báo trang nghiêm của chính mình, vấn đề là như vậy. Tất cả pháp không lìa tự tánh, tất cả pháp không lìa tự tâm, là tâm tánh mình biến hiện ra. Tu hành trong Phật pháp, công phu thật sự không gì khác, chính là đoạn tận phiền não. Ba loại lớn phiền não này phải đoạn tận hết, không những là đại hùng tam giới, mà là đại hùng của thập pháp giới. Tam giới chỉ có lục đạo, không bao gồm mười pháp giới.

“Tóm lại, đoạn này là tổng kết của đại nguyện”, đại nguyện là 48 nguyện. “Ở trên nói về trí vô ngại, tức là cầu trí tuệ, từ làm việc từ mẫn trở xuống là biểu trưng cho thế nguyện. Hội Sớ nói, nguyện là dẫn đường của vạn hạnh”. Nó ở trước dẫn dắt hành động của chúng ta, nó ở trước dẫn dắt ta. Hay nói cách khác, hành của mình có phương hướng, có mục đích, đây là chánh hạnh.

Hành của chúng ta là chuyên tu Tịnh độ, trước khi chưa chuyên tu Tịnh độ, chúng ta học tập rộng rãi, kinh điển các tông phái đều có học. Vì sao vậy? Để chọn phương hướng, mục tiêu cho mình. Mục tiêu chỉ có một, đó chính là đại bát niết bàn, tức là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đây là mục tiêu của chúng ta. Dùng phương pháp gì để đạt đến mục tiêu này? Đó chính là tám vạn tế hạnh. Chúng ta xem các tông các phái đều cảm thấy khó khăn, vì sao vậy? Vì phải đoạn phiền não. Sau cùng chúng ta gặp Tịnh độ, hoan hỷ vô tận, vì sao vậy? Vì Tịnh độ không cần đoạn phiền não cũng có thể thành tựu, điều này không thể nghĩ bàn. Chúng ta chọn pháp môn này, chọn pháp môn này chắc chắn có sự thành tựu, chọn các pháp môn khác không có gì chắc chắn.

Hôm nay thời gian đã hết, ý này chưa giảng hết, ngày mai chúng ta học tiếp đoạn này.

Hết tập 268